SỞ CÔNG THƯƠNG THÁI NGUYÊN

CÔNG KHAI THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN QUÝ I/2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SCT ngày /4/2024 của Sở Công Thương)

Đơn vị tính: Đồng

Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước	Nguồn phí, lệ phí	Nguồn hoạt động khác
C	D	E	1=2+3+4	2	3	4
		VĂN PHÒNG SỞ				
		A. THU PHÍ, LỆ PHÍ, KHÁC	**68.869.013**	**0**	**67.770.673**	**1.200.900**
		1. Lệ phí				
		2. Phí	**67.770.673**	**0**	**67.770.673**	**0**
	2265	*Phí thẩm định KD hàng hóa, dịch vụ KD có điều kiện, tiêu chuẩn ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại, xây dựng (XD, LPG, rượu, thuốc lá ...)*	*9.900.000*		*9.900.000*	
	2265	*Phí thẩm định cơ sở đủ điều kiện tiêu chuẩn ngành nghề thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm ..)*	*2.250.000*		*2.250.000*	
	2265	*Tham gia ý kiến TĐ BCNC khả thi (vốn NSNN); thiết kế XD triển khai sau TK cơ sở, TĐ cấp phép hoạt động điện lực (bán lẻ, tư vấn điện)*	*27.620.673*		*27.620.673*	
	2263	*Thẩm định cấp phép sử dụng VLN CN*	*28.000.000*		*28.000.000*	
	2264	*Phòng ngừa sự cố hóa chất, cấp GCN kinh doanh, SX hóa chất, TĐ ĐK đối với cơ sở sản xuất rượu công nghiệp*	*0*		*0*	
		3. Điện năng lượng mặt trời trên mái nhà	1.098.340			1.200.900
		B. NỘP NSNN	**12.600.553**	**0**	**12.552.517**	**48.036**
		1. Lệ phí				
		2. Phí	**12.552.517**	**0**	**12.552.517**	**0**
	2265	*Phí thẩm định KD hàng hóa, dịch vụ KD có điều kiện, tiêu chuẩn ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại, xây dựng (XD, LPG, rượu, thuốc lá ...)*	*4.950.000*		*4.950.000*	
	2265	*Phí thẩm định cơ sở đủ điều kiện tiêu chuẩn ngành nghề thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm ..)*	*675.000*		*675.000*	
	2265	*Tham gia ý kiến TĐ BCNC khả thi (vốn NSNN); thiết kế XD triển khai sau TK cơ sở, TĐ cấp phép hoạt động điện lực (bán lẻ, tư vấn điện)*	*4.127.517*		*4.127.517*	
	2263	*Thẩm định cấp phép sử dụng VLN CN*	*2.800.000*		*2.800.000*	
	2264	*Phòng ngừa sự cố hóa chất, cấp GCN kinh doanh, SX hóa chất, TĐ ĐK đối với cơ sở sản xuất rượu công nghiệp*	*0*		*0*	
		3. Điện năng lượng mặt trời trên mái nhà	*48.036*			*48.036*

C. CHI KINH PHÍ TỰ CHỦ - KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN			**2.945.818.232**	**2.940.935.732**	**4.800.000**	**82.500**
I. VĂN PHÒNG SỞ			**1.859.317.862**	**1.854.435.362**	**4.800.000**	**82.500**
6000		***Tiền lương***	***1.028.935.350***	***1.028.935.350***		
	6001	Lương theo ngạch, bậc	1.028.935.350	1.028.935.350		
6100		***Phụ cấp lương***	***385.940.781***	***381.140.781***	***4.800.000***	***0***
	6101	Phụ cấp chức vụ	44.460.000	44.460.000		
	6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	41.875.650	41.875.650		
	6113	PC trách nhiệm theo nghề, theo công việc	5.121.414	5.121.414		
	6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	19.965.237	19.965.237		
	6124	Phụ cấp công vụ	269.718.480	269.718.480		
	6149	Phụ cấp khác	4.800.000		4.800.000	
6250		***Phúc lợi tập thể***	***22.705.200***	***22.705.200***	***0***	***0***
	6299	Chi khác	22.705.200	22.705.200		
6300		***Các khoản đóng góp***	***248.931.278***	***248.931.278***	***0***	***0***
	6301	Bảo hiểm xã hội	193.861.016	193.861.016		
	6302	Bảo hiểm y tế	33.233.316	33.233.316		
	6303	Kinh phí công đoàn	21.836.946	21.836.946		
6500		***Thanh toán dịch vụ công cộng***	***17.129.965***	***17.129.965***	***0***	***0***
	6501	Tiền điện	8.493.941	8.493.941		
	6502	Tiền nước	8.211.024	8.211.024		
	6504	Tiền vệ sinh môi trường	425.000	425.000		
6550		***Vật tư văn phòng***	***36.819.230***	***36.819.230***	***0***	***0***
	6551	Văn phòng phẩm	3.025.000	3.025.000		
	6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	12.432.300	12.432.300		
	6599	Vật tư văn phòng khác	21.361.930	21.361.930		
6600		***Thông tin, tuyên truyền, liên lạc***	***4.337.061***	***4.337.061***	***0***	***0***
	6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	975.861	975.861		
	6603	Cước phí bưu chính	1.421.000	1.421.000		
	6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	1.300.000	1.300.000		
	6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	640.200	640.200		
6750		***Chi phí thuê mướn***	***8.000.000***	***8.000.000***	***0***	***0***
	6757	Thuê lao động trong nước	8.000.000	8.000.000		
6900		***Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng***	***32.548.000***	***32.548.000***	***0***	***0***
	6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	1.400.000	1.400.000		
	6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	8.050.000	8.050.000		
	6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	8.208.000	8.208.000		
	6956	Các thiết bị công nghệ thông tin	14.890.000	14.890.000		
7750		***Chi khác***	***59.390.997***	***59.308.497***	***0***	***82.500***
	7756	Chi các khoản phí, lệ phí	2.477.455	2.477.455		
	7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	11.193.400	11.193.400		

	7761	Chi tiếp khách	14.803.642	14.803.642		
	7799	Chi các khoản khác	30.916.500	30.834.000		82.500
7850		***Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp***	***14.580.000***	***14.580.000***		
	7854	Công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	14.580.000	14.580.000		
II. TRUNG TÂM KHUYẾN CÔNG VÀ TVPTCN			**574.432.701**	**574.432.701**	**0**	
6000		***Tiền lương***	***404.535.560***	***404.535.560***	***0***	***0***
	6001	Lương theo ngạch, bậc	404.535.560	404.535.560		
6100		***Phụ cấp lương***	***16.824.600***	***16.824.600***	***0***	***0***
	6101	Phụ cấp chức vụ	14.940.000	14.940.000		
	6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	540.000	540.000		
	6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	1.344.600	1.344.600		
6300		***Các khoản đóng góp***	***98.892.747***	***98.892.747***	***0***	***0***
	6301	Bảo hiểm xã hội	73.643.535	73.643.535		
	6302	Bảo hiểm y tế	12.624.606	12.624.606		
	6303	Kinh phí công đoàn	8.416.404	8.416.404		
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	4.208.202	4.208.202		
6500		***Thanh toán dịch vụ công cộng***	***14.814.197***	***14.814.197***	***0***	***0***
	6501	Tiền điện	3.524.547	3.524.547		
	6503	Tiền nhiên liệu	11.289.650	11.289.650		
6550		***Vật tư văn phòng***	***10.531.894***	***10.531.894***		
	6551	Văn phòng phẩm	2.792.000	2.792.000		
	6599	Vật tư văn phòng khác	7.739.894	7.739.894		
6750		***Chi phí thuê mướn***	***6.000.000***	***6.000.000***	***0***	***0***
	6757	Thuê lao động trong nước	6.000.000	6.000.000		
6900		***Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng***	***2.644.700***	***2.644.700***	***0***	***0***
	6903	Ô tô chuyên dùng	2.644.700	2.644.700		
7000		***Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành***	***3.570.000***	***3.570.000***		
	7049	Chi khác	3.570.000	3.570.000		
7750		***Chi khác***	***16.619.003***	***16.619.003***	***0***	***0***
	7756	Chi các khoản phí và lệ phí	1.584.727	1.584.727		
	7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	480.700	480.700		
	7761	Chi tiếp khách	14.473.576	14.473.576		
	7799	Chi các khoản khác	80.000	80.000		
III. TRUNG TÂM XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI			**512.067.669**	**512.067.669**		
6000		***Tiền lương***	***375.207.300***	***375.207.300***		
	6001	Lương theo ngạch, bậc	375.207.300	375.207.300		
6100		***Phụ cấp lương***	***15.120.000***	***15.120.000***		
	6101	Phụ cấp chức vụ	14.580.000	14.580.000		
	6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	540.000	540.000		
6250		***Phúc lợi tập thể***	***1.871.250***	***1.871.250***		

	6299	Chi khác	1.871.250	1.871.250		
6300		***Các khoản đóng góp***	***91.317.954***	***91.317.954***		
	6301	Bảo hiểm xã hội	68.212.776	68.212.776		
	6302	Bảo hiểm y tế	11.693.619	11.693.619		
	6303	Kinh phí công đoàn	7.795.746	7.795.746		
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	3.615.813	3.615.813		
6500		***Thanh toán dịch vụ công cộng***	***3.539.871***	***3.539.871***		
	6501	Tiền điện	3.539.871	3.539.871		
6550		***Vật tư văn phòng***	**9.447.830**	**9.447.830**		
	6551	Văn phòng phẩm	4.806.330	4.806.330		
	6553	Khoán văn phòng phẩm	1.620.000	1.620.000		
	6599	Vật tư văn phòng khác	3.021.500	3.021.500		
6600		***Thông tin, tuyên truyền, liên lạc***	***410.764***	***410.764***		
	6601	Cước phí thuê bao đường điện thoại	410.764	410.764		
6750		***Chi phí thuê mướn***	***6.000.000***	***6.000.000***		
	6757	Thuê lao động trong nước	6.000.000	6.000.000		
6900		***Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng***	***320.000***	***320.000***		
	6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	320.000	320.000		
7750		***Chi khác***	***8.832.700***	***8.832.700***		
	7756	Chi các khoản phí và lệ phí	30.000	30.000		
	7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	8.202.700	8.202.700		
	7799	Chi các khoản khác	600.000	600.000		
D. CHI KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ - KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN			**274.344.257**	**274.344.257**	**0**	**0**
I. VĂN PHÒNG SỞ			**204.706.096**	**204.706.096**	**0**	**0**
6050		***Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng***	***82.620.000***	***82.620.000***	***0***	***0***
	6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	82.620.000	82.620.000		
6300		***Các khoản đóng góp***	***19.415.700***	***19.415.700***		
	6301	Bảo hiểm xã hội	14.458.500	14.458.500		
	6302	Bảo hiểm y tế	2.478.600	2.478.600		
	6303	Kinh phí công đoàn	1.652.400	1.652.400		
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	826.200	826.200		
6500		***Thanh toán dịch vụ công cộng***	***32.322.301***	***32.322.301***	***0***	***0***
	6501	Tiền điện	4.772.369	4.772.369		
	6502	Tiền nước	1.467.432	1.467.432		
	6503	Tiền nhiên liệu	26.082.500	26.082.500		
6550		***Vật tư văn phòng***	***8.697.500***	***8.697.500***		
	6551	Văn phòng phẩm	0	0		
	6599	Vật tư văn phòng khác	8.697.500	8.697.500		
6600		***Thông tin, tuyên truyền liên lạc***	***2.168.675***	***2.168.675***	***0***	***0***
	6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	479.526	479.526		
	6603	Cước bưu chính	1.039.149	1.039.149		
	6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	650.000	650.000		

6750		***Chi phí thuê mướn***	***23.876.600***	***23.876.600***	***0***	***0***
	6751	Thuê phương tiện vận chuyển	23.876.600	23.876.600		
6900		***Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng***	***29.281.320***	***29.281.320***		
	6901	Ô tô dùng chung	29.281.320	29.281.320		
7000		**Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành**	**6.324.000**	**6.324.000**	***0***	***0***
	7049	Chi khác	6.324.000	6.324.000		
II. TRUNG TÂM KHUYẾN CÔNG VÀ TVPTCN			**23.074.740**	**23.074.740**		
6050		***Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng***	***18.684.000***	***18.684.000***		
	6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	18.684.000	18.684.000		
6300		***Các khoản đóng góp***	***4.390.740***	***4.390.740***		
	6301	Bảo hiểm xã hội	3.269.700	3.269.700		
	6302	Bảo hiểm y tế	560.520	560.520		
	6303	Kinh phí công đoàn	373.680	373.680		
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	186.840	186.840		
III. TRUNG TÂM XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI			**46.563.421**	**46.563.421**	**0**	
6050		***Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng***	***16.524.000***	***16.524.000***		
	6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	16.524.000	16.524.000		
6300		***Các khoản đóng góp***	***3.883.140***	***3.883.140***		
	6301	Bảo hiểm xã hội	2.891.700	2.891.700		
	6302	Bảo hiểm y tế	495.720	495.720		
	6303	Kinh phí công đoàn	330.480	330.480		
	6304	Bảo hiểm thất nghiệp	165.240	165.240		
6500		***Thanh toán dịch vụ công cộng***	***3.392.860***	***3.392.860***		
	6503	Tiền nhiên liệu	3.392.860	3.392.860		
6600		***Thông tin, tuyên truyền, liên lạc***	***6.444.961***	***6.444.961***		
	6603	Cước phí bưu chính	3.804.961	3.804.961		
	6605	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	2.640.000	2.640.000		
6700		***Công tác phí***	***8.580.000***	***8.580.000***		
	6701	Tiền vé máy bay, tàu xe	6.430.000	6.430.000		
	6702	Phụ cấp công tác phí	800.000	800.000		
	6703	Tiền thuê phòng ngủ	1.350.000	1.350.000		
6750		***Chi phí thuê mướn***	***2.000.000***	***2.000.000***		
	6751	Thuê phương tiện vận chuyển	2.000.000	2.000.000		
7000		***Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành***	***5.738.460***	***5.738.460***		
	7049	Chi khác	5.738.460	5.738.460		
		Tổng cộng	**3.220.162.489**	**3.215.279.989**	**4.800.000**	**82.500**

SỞ CÔNG THƯƠNG THÁI NGUYÊN